

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 129/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trường

Bà Ngô Hồng Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Kim L, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Tố N – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Kim L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn N1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gay gắt không thể hàn gắn nên đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông N1.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Thị C Chi sinh ngày 07/7/2007, Nguyễn Thị Chúc E sinh ngày 10/10/2008, Nguyễn Thị Hằng N2 sinh ngày 27/3/2011 và Nguyễn Kiều V sinh ngày 02/7/2015 hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng 04 người con chung, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N1 trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Kim L tự nguyện chung sống với nhau cách đây gần 20 năm nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng mâu thuẫn không hòa giải được nên đã ly thân được khoảng 02 năm, nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Thị C Chi sinh ngày 07/7/2007, Nguyễn Thị Chúc E sinh ngày 10/10/2008, Nguyễn Thị Hằng N2 sinh ngày 27/3/2011 và Nguyễn Kiều V sinh ngày 02/7/2015 hiện đang sống chung với bà L. Khi ly hôn ông thông nhất để bà Liên tiếp t nuôi 04 người con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – bà Nguyễn Tố N trình bày: Về quan hệ hôn nhân, căn cứ khoản 1 Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông N1 và bà L; về con chung, giao cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng 04 người con chung là Nguyễn Thị C Chi sinh năm 2007, Nguyễn Thị Chúc E sinh năm 2010, Nguyễn Thị Hằng N2 sinh năm 2011 và Nguyễn Kiều V sinh năm 2015.

Tại các văn bản trình bày nguyện vọng, các cháu Nguyễn Thị Chúc C1, Nguyễn Thị Chúc E, Nguyễn Thị Hằng N2 và Nguyễn Kiều V đều có nguyện vọng sống chung với bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Kim L, ông Nguyễn Văn N1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông N1.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Kim L và ông Nguyễn Văn N1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2006. Tuy bà L và ông N1 xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng trong quá trình chung sống đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông N1 không làm phát

sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà L và ông N1 có 04 người con chung tên Nguyễn Thị C Chi sinh ngày 07/7/2007, Nguyễn Thị Chúc E sinh ngày 10/10/2008, Nguyễn Thị Hằng N2 sinh ngày 27/3/2011 và Nguyễn Kiều V sinh ngày 02/7/2015 hiện đang sống cùng bà L. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các đương sự, điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung, nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của các cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao 04 người con chung cho bà Liên tiếp t trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất trình bày là không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà L được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do thuộc hộ nghèo.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Kim L và ông Nguyễn Văn N1 là vợ chồng.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị C Chi sinh ngày 07/7/2007, Nguyễn Thị Chúc E sinh ngày 10/10/2008, Nguyễn Thị Hằng N2 sinh ngày 27/3/2011 và Nguyễn Kiều V sinh ngày 02/7/2015 cho bà Liên tiếp t trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà L, ông N1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Ý